

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định phân công thẩm định giá tài sản nhà nước
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2021 sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm
2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm
định giá;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn
nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-
CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm
nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực
lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức

chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về phân công thẩm định giá tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Các quy định khác về thẩm định giá không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định của Luật Giá; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về thẩm định giá; cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cán bộ, công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm định giá tài sản nhà nước; cơ quan, tổ chức cử người và cá nhân được cơ quan, tổ chức đó cử tham gia Hội đồng thẩm định giá;

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi chung là đơn vị) được giao mua, bán, thanh lý, cho thuê hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thẩm định giá tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Phạm vi hoạt động thẩm định giá của Nhà nước

Hoạt động thẩm định giá của nhà nước trên địa bàn tỉnh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, gồm:

a) Mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại khoản 1, Điều 2 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; nguồn kinh phí mua sắm quy định tại khoản 2, Điều 2 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; mua

sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc các chương trình mục tiêu từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

b) Thuê trụ sở làm việc, tài sản để phục vụ hoạt động trong các cơ quan nhà nước:

- Thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thuê máy móc, thiết bị, phương tiện, vật tư và các tài sản khác không phải là trụ sở làm việc.

c) Bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước:

- Bán, thanh lý tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm quyền sử dụng đất), máy móc, thiết bị và các tài sản khác không phải trụ sở làm việc;

- Cho thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, tài sản được đầu tư xây dựng để cho thuê theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá đối với tài sản nhà nước trong trường hợp đơn vị được giao mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản nhà nước đã đăng công khai thông tin sau 15 (mười lăm) ngày mời cung cấp dịch vụ thẩm định giá nhưng không có doanh nghiệp thẩm định giá tham gia, trừ trường hợp đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về danh mục bí mật nhà nước.

4. Mua, bán tài sản nhà nước mà sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan hoặc người có thẩm quyền phê duyệt thấy cần thiết phải có ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân công thẩm định giá nhà nước quy định tại Điều 4 Quyết định này.

5. Tài sản nhà nước phải thẩm định giá thực hiện theo Điều 14 quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 4. Phân công tổ chức thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước

1. Sở Tài chính:

a) Thẩm định giá mua sắm tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 10.000 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản;

b) Thẩm định giá bán, thanh lý tài sản có giá trị (nguyên giá theo sổ kế toán) từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

c) Thẩm định giá cho thuê tài sản hoặc đi thuê tài sản của các cơ quan, tổ chức có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên/năm/01 đơn vị tài sản.

2. Sở, ban, ngành và các tổ chức, đơn vị tương đương cấp tỉnh:

a) Thẩm định giá mua sắm tài sản của sở, ban, ngành mình và các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc dưới 10.000 triệu đồng/01 gói tài sản;

b) Thẩm định giá bán, thanh lý tài sản thuộc thẩm quyền quản lý có giá trị (nguyên giá theo sổ kế toán) dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

c) Thẩm định giá cho thuê tài sản hoặc đi thuê tài sản thuộc thẩm quyền quản lý có giá trị dưới 100 triệu đồng/năm/01 đơn vị tài sản.

3. Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố:

a) Thẩm định giá mua sắm thuộc thẩm quyền quản lý của cấp mình và của các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc dưới 10.000 triệu đồng/01 gói tài sản;

b) Thẩm định giá bán, thanh lý tài sản thuộc thẩm quyền quản lý có giá trị (nguyên giá theo sổ kế toán) dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

c) Thẩm định giá cho thuê tài sản hoặc đi thuê tài sản thuộc thẩm quyền quản lý có giá trị dưới 100 triệu đồng/năm/01 đơn vị tài sản.

Điều 5. Quy định về Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước

1. Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước quy định tại Điều 4 Quyết định này quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước để thẩm định giá đối với các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp thấy cần thiết phải thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước để thực hiện thẩm định giá tài sản theo nhiệm vụ được phân công;

b) Các trường hợp khác mà theo quy định của pháp luật có liên quan quy định phải thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước.

2. Thành phần Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước:

a) Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện do lãnh đạo hoặc người được ủy quyền của cơ quan tài chính nhà nước (Sở Tài chính, Phòng Tài chính – Kế hoạch) làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên khác gồm:

- Đại diện đơn vị có tài sản cần thẩm định giá;

- Đại diện đơn vị chuyên môn về quản lý giá, quản lý tài chính của cơ quan tài chính nhà nước;

- Các thành viên khác do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quyết định, căn cứ vào tính chất, đặc điểm của tài sản cần thẩm định giá.

b) Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước của đơn vị được giao mua, bán, quản lý và sử dụng tài sản do lãnh đạo đơn vị có tài sản cần thẩm định giá hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên khác gồm:

- Đại diện bộ phận chuyên môn về giá hoặc tài chính, kế toán của đơn vị được giao mua, bán, quản lý, sử dụng tài sản;

- Đại diện bộ phận chuyên môn về giá hoặc tài chính của cơ quan cấp trên;

- Các thành viên khác do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm của tài sản cần thẩm định giá.

c) Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 28 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ: Phải có ít nhất một thành viên đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính hoặc đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học chuyên ngành vật giá, thẩm định giá.

d) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá quyết định thành lập Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định giá.

đ) Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước làm việc theo nguyên tắc quy định tại khoản 4, Điều 28 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ.

e) Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Quyết định thành lập Hội đồng. Các trường hợp phát sinh sau khi Hội đồng thẩm định giá chấm dứt hoạt động sẽ do cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng chủ trì xử lý.

3. Quyền, nghĩa vụ của Hội đồng và thành viên Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 6. Trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện mua, bán tài sản, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của của cơ quan nhà nước phải tuân thủ các quy định của nhà nước về sử dụng ngân sách, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; nâng cao trách nhiệm, tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình khi lựa chọn đơn vị tư vấn và sử dụng kết quả thẩm định giá của đơn vị tư vấn.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện công tác thẩm định giá tài sản theo quy định.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 9 năm 2021.

2. Bãi bỏ Điều 15 quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Văn phòng Chính Phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (ĐH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh